

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HC-ST

Ngày: 20/7/2020

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất  
đai”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Trần Thị Lê Na**

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà **Trần Thị Dung** và Ông **Trần Hán**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trương Việt Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H N.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên tòa:**  
Bà **Nguyễn Thị Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 310/2019/HCST ngày 08/10/2019 về việc Yêu cầu hủy các quyết định của UBND quận T H và chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HC ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 49, cụm 8, phường P T, Quận T H, thành phố H N. Có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*

Ông **Phan Xuân T** – Sinh năm 1943

Địa chỉ: Phòng 1404, nhà CT 14A1, khu đô thị Nam T L, phường P T, quận T H, thành phố H N. (Theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2018). Có mặt tại phiên tòa.

**2. Người bị kiện:**

**- Ủy ban nhân dân quận T H, thành phố H N**

**- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T H, thành phố H N**

Địa chỉ: 657 Lạc Long Q, phường X L, quận T H, H N

Người đại diện theo ủy quyền của UBND quận T H và Chủ tịch UBND quận T H là ông Nguyễn Lê H – Phó chủ tịch UBND quận T H, thành phố H N. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3053/QĐ-UBND ngày 18/11/2019). *Vắng mặt.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **UBND phường P T, quận T H, thành phố H N**

Địa chỉ: Phường P T, quận T H, thành phố H N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Như L – Công chức địa chính Phường P T. (Theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2019). *Vắng mặt.*

- Chị **Đỗ Thúy H** – Sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 49, cụm 8, phường P T, Quận T H, thành phố H N. *Vắng mặt.*

- Anh **Đỗ Thế A** – Sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 49, cụm 8, phường P T, Quận T H, thành phố H N. *Có mặt tại phiên tòa.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M và ông Phan Xuân T, người đại diện theo ủy quyền của bà M thống nhất trình bày:***

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T; Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2, với lý do bà không đồng ý với 04 Quyết định trên khi cho rằng thời điểm xây dựng nhà của gia đình bà là sau ngày 15/10/1993, gây thiệt hại cho gia đình khi hỗ trợ đối với diện tích đất trong hạn mức đất ở từ 70% xuống còn 40%.

**Về nguồn gốc đất:** Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà là đất nông nghiệp 5-10% tại xứ đồng vệ đê do UBND phường P T quản lý. Đất của bố mẹ đẻ ông Đỗ Văn P (chồng bà M ) nhưng do bà Nguyễn Thị H là con dâu đứng tên.

Ngày 30/12/2008, bà H có đơn xin chuyển cho ông Đỗ Văn P đứng tên diện tích 110 m<sup>2</sup>, UBND phường xác nhận: Ông P đang sử dụng ổn định, không

có tranh chấp, hàng năm thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Nhà nước và Hợp tác xã.

**Về thời điểm làm nhà cấp 4 làm trên đất:** Bà M không đồng ý với Phiếu xác nhận số 240/ĐC-XN ngày 28/3/2013 của UBND phường P T, căn cứ bản đồ năm 1994, trên thửa đất ông P không có dấu thể hiện có nhà ở nên suy ra nhà làm sau ngày 15/10/1993. Phiếu xác nhận này gia đình không được giao .

Thực tế năm 1984-1985, bà H1 là mẹ đẻ ông P đã có nhà trên đất % ở cùng con trai là ông Đỗ Văn P. Nếu không có nhà thì mẹ con ông P trong thời gian năm 1984-1985 và sau này mẹ con ông P sống ở đâu. Thực tế đây là căn nhà cấp 4, tường xây ban đầu 2,4 m, khi bồi thường chỉ được tính theo giá nhà tạm. Những năm ông P ở quân ngũ, bà H1 vừa ở vừa làm quán bán hàng có lúc cho người thuê bán cơm bình dân.

Năm 1985, ông P Đỗ Văn P từ quân ngũ trở về vẫn sống trong căn nhà cũ. Năm 1989, ông P kết hôn với bà M. Năm 1991, vợ chồng bà cải tạo lại nhà, lát nền gạch hoa, thay mái Proximăng bằng mái ngói. Vợ chồng bà tách hộ khẩu từ sổ bà H1, số sổ 628229, địa chỉ: Tổ 46, cụm 7, phường P T, quận T H, thành phố H N.

Sau khi ông Đỗ Văn T, con cả bà H1 vào làm nhà trên thửa đất liền kề với nhà ông P. Năm 1992, bà H1 sang ở hẳn với nhà ông T và cho vợ chồng ông P, bà M căn nhà cũ.

Sự việc này được cán bộ khu dân cư và các hộ liền kề cư trú cùng thời điểm xác nhận và khẳng định năm 1984 – 1985 mẹ con ông P đã có nhà cấp 4 trên đất.

**Về quá trình giải quyết khiếu nại:** UBND quận T H né tránh trách nhiệm, phủ nhận sự thật thực tế cuộc sống của người dân và ý kiến xác nhận của việc căn nhà của bà H1 làm trước ngày 15/10/1993 của tất cả cán bộ và các hộ liền kề tại địa bàn cư dân. Chính quyền không công khai minh bạch thông tin cho cư dân.

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án xác định thời điểm làm nhà của mẹ con bà Hạ là trước thời điểm 15/10/1993 và Hủy Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T; Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 và giải quyết quyền lợi cho gia đình bà theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Hủy Quyết định 1041/QĐ-

UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

### **Quan điểm của UBND Quận T H:**

1. Đối với Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UB quận T H: Thực hiện Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H N về việc thu hồi 204.324 m<sup>2</sup> đất tại phường P T, quận T H; giao cho Ban QLDA Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện tiểu Dự án đền bù GPMB và tái định cư phục vụ Dự án đầu tư xây dựng cầu N T và tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn quận T H (phía bờ Nam).

Ngày 21/10/2010, Tổ công tác GPMB thực hiện dự án có Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn P (địa chỉ GPMB tại tổ 46, cụm 7, phường P T), Biên bản có chữ ký xác nhận của ông Đỗ Văn Phú.

Ngày 02/12/2010, UBND phường P T có Xác nhận số 361/UBND-ĐCXD về loại đất, nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn Phú, trong đó diện tích đất thu hồi: 174,7 m<sup>2</sup>, gồm 110 m<sup>2</sup> đất 5% - 10% và 64,7 m<sup>2</sup> sử dụng ngoài diện tích được giao, **không rõ lý do, không do lấn chiếm.**

Ngày 10/12/2010, Công an phường P T có xác nhận nhân, hộ khẩu đối với hộ gia đình ông Đỗ Văn Phú, trong đó số nhân, hộ khẩu đang ăn ở thường xuyên, ổn định tại địa chỉ GPMB: 04 nhân khẩu.

Ngày 30/6/2011, UBND phường P T có Xác nhận số **323**/UBND-ĐCXD về loại đất, nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn P (xác nhận bổ sung cho xác nhận số 361 /UBND-ĐCXD ngày 02/12/2010), nội dung điều chỉnh, bổ sung: Diện tích 174,7 m<sup>2</sup>, gồm 110 m<sup>2</sup> đất 5% - 10% và 64,7 m<sup>2</sup> sử dụng ngoài diện tích được giao do lấn, chiếm. Hiện ông P đóng thuế đất nông nghiệp hàng năm đến năm 2010.

Ngày 30/8/2012, UBND phường P T có Xác nhận số 74/UBND-ĐCXD về loại đất, nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn P (xác nhận thay thế các xác nhận trước đây).

Ngày 08/10/2012, UBND quận T H có Quyết định số 2968/QĐ- UBND thu hồi 174,7 m<sup>2</sup> đất do hộ gia đình ông (bà) Đỗ Văn P đang sử dụng tại địa chỉ số 46, cụm 7, phường P T, quận T H để thực hiện dự án xây dựng cầu N T.

Ngày 28/8/2013, UBND phường P T có Xác nhận số 240/UBND-ĐCXD về loại đất, nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn P (xác nhận thay thế các xác nhận trước đây). Trong đó xác nhận:

- Về đất: Hiện trạng gia đình ông Đỗ Văn P sử dụng 174,7 m<sup>2</sup> trong đó có

110 m<sup>2</sup> đất 5% - 10% và 64,7 m<sup>2</sup> đất sử dụng ngoài diện tích được giao do lấn chiếm

- Về tài sản trên đất, công trình kiến trúc: Thời điểm xây dựng công trình sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi phạm.

Ngày 22/10/2013, UBND quận T H có Quyết định số 3154/QĐ- UBND phê duyệt 03 phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó có phương án của hộ gia đình ông Đỗ Văn Phú, cụ thể trong tổng diện tích 174,7 m<sup>2</sup> đất thu hồi:

- 90 m<sup>2</sup> bồi thường, hỗ trợ tỷ lệ 40% theo đơn giá đất ở vị trí 3 đường gom chân đê (23.112.000 đồng/m<sup>2</sup>).

- 20 m<sup>2</sup> bồi thường, hỗ trợ tỷ lệ 20% theo đơn giá đất ở vị trí 3 đường gom chân đê (23.112.000 đồng/m<sup>2</sup>).

- 64,7 m<sup>2</sup> không bồi thường hỗ trợ.

Căn cứ khoản 5 Điều 7 và Điều 21 bản quy định kèm theo Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H N, trên cơ sở xác nhận của UBND phường P T, biên bản điều tra kiểm đếm của Tổ công tác, UBND quận T H đã phê duyệt phương án cho hộ gia đình ông Đỗ Văn P là phù hợp với quy định.

2. Đối với Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H.

Ngày 15/4/2016, UBND quận T H có Quyết định số 1041/QĐ- UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án của hộ gia đình ông Đỗ Văn P đã được UBND quận T H phê duyệt tại Quyết định số 3154/QĐ- UBND ngày 22/10/2013, trong đó bổ sung tiền bồi thường đối với diện tích 110 m<sup>2</sup> theo đơn giá đất nông nghiệp (252.000 đồng/m<sup>2</sup>). Tổng số tiền bồi thường bổ sung: 27.720.000 đồng.

3. Đối với Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H.

Ngày 17/8/2016, UBND quận T H có Quyết định số 2312/QĐ- UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 04 hộ gia đình. Trong đó phương án hộ gia đình ông Đỗ Văn P được phê duyệt điều chỉnh: 01 m<sup>3</sup> hồ ga tỷ lệ bồi thường từ 10% lên 50%, bồi thường 12,91 m<sup>2</sup> sân bê tông tỷ lệ từ 10% lên 50%. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 2.075.908 đồng.

Như vậy, căn cứ các quy định tại thời điểm phê duyệt, UBND quận T H đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Đỗ Văn P là đúng quy định.

### **Quan điểm của UBND phường P T, quận T H:**

1. Quan điểm của UBND phường P T đối với yêu cầu khởi kiện của bà

Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính của UBND quận T H, Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: UBND phường P T thống nhất với các quyết định hành chính của UBND quận T H, Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị M có đất nằm trong chỉ giới GPMB dự án xây dựng cầu N T.

2. Căn cứ ban hành Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2019 của Chủ tịch UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M.

- Căn cứ hồ sơ bản đồ Địa chính năm 1994 do Sở Địa chính H N lập.

- Căn cứ hồ sơ, sổ bộ thuế do Hợp tác xã Nông nghiệp Việt - Mông bàn giao sang UBND phường quản lý năm 2000.

Hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu N T đối với thửa đất do gia đình ông Đỗ Văn P (vợ là bà Nguyễn Thị M) địa chỉ tổ 46 cụm 7 phường P T, quận T H.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thúy Hằng và anh Đỗ Thế Anh trình bày:*** Chị H và anh Thế A là con của ông P và bà Minh. Anh chị hoàn toàn nhất trí với quan điểm của người khởi kiện, không có ý kiến gì khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:***

*Về tố tụng:*

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Luật TTHC trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án còn bị kéo dài quá quy định. Cần rút kinh nghiệm. HĐXX đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo đúng trình tự luật định. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung:*

Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu Hủy Quyết định phê duyệt PABTHT&TĐC số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 và các Quyết định điều chỉnh số 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016, số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H; Hủy QĐ số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại của bà M và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà M yêu cầu:

- Hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H; Hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà M và hủy Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/2/2018 của Chủ tịch UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Minh.

- Bà M xin rút yêu cầu khởi kiện đối với các QĐ phê duyệt PA điều chỉnh số 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016; số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H: Việc rút yêu cầu khởi kiện của bà M là tự nguyện, nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Bà M không cung cấp các tài liệu chứng minh đến thiệt hại và cũng không đề nghị giải quyết nên không xem xét yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy các Quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung là Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 và QĐ số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc Hủy một phần Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng cầu N T và tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn phường P T (hủy PA chi tiết đối với hộ ông Phú); Hủy QĐ số 59/QĐ-CT ngày 05/2/2018 của Chủ tịch UBND phường P T và hủy QĐ số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại của bà M .

- Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật về án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về tố tụng:**

- Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T; Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2018 của UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M; Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 là các quyết định hành chính bị kiện và quyết định giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã rút yêu cầu đối với yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đề ngày 06/8/2018, được gửi đến Tòa án nhân dân thành phố H N ngày 03/1/2019 là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền:*

Ngày 08/10/2019, Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T; Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Người bị kiện trong vụ án được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T H và UBND quận T H, thành phố H N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H N theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

**Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

**1. Về việc xác định thời điểm xây dựng nhà trên đất bị thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị M tại Tổ 49, cụm 8, phường P T, quận T H, thành phố H N.**

Căn cứ các tài liệu do các bên đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất của Tổ công tác giải phóng mặt bằng thể hiện trên đất có 01 nhà tường xây 220, mái Proximăng diện tích 36.4 m<sup>2</sup> và 01 nhà tường 110, mái ngói nền gạch hoa diện tích 33.66 m<sup>2</sup>.

Về thời gian xây dựng nhà trên phần đất thu hồi: Trên bản đồ địa chính địa phương lưu giữ không thể hiện có nhà trên đất trước năm 1993. Trong tài liệu

các bên đương sự cung cấp không có Bản tự kê khai đối với nguồn gốc đất, tài sản trên đất và thời gian xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H N về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H N.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H N “*Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú trong khu dân cư nơi có đất thu hồi và cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có đơn xin xác nhận*”.

Ngày 17/4/2012, UBND phường P T đã lập biên bản về việc lấy ý kiến khu dân cư về thời gian sử dụng đất ở đối với hộ ông Đỗ Văn T và hộ ông Đỗ Văn P tại tổ 46, cụm 7c. Các ý kiến của ông Mai Xuân N, bà Hoàng Thị V, bà Phạm Thị N, bà Mai Thị T, ông Lê Quang Đ, bà Lê Thị T, ông Chu Đức M, là các hộ dân được lấy ý kiến đều khẳng định khi họ sinh sống thì trên đất đã có 02 ngôi nhà của ông T và của ông P, thời điểm xây dựng và ở trên đất khoảng từ năm 1983-1984, trước năm 1993.

Trong biên bản còn có ý kiến của ông Lê C, phó chỉ huy Công an phường P T xác nhận: “Hộ ông T và hộ ông P có hộ khẩu tại tổ 46 cụm 7 (Theo hộ khẩu thì chuyển đến từ năm 1992 tại Tổ 46 cụm 7 phường P T và được công an quận T H cấp hộ khẩu từ năm 1997).

Công an phường P T có bản xác nhận về hộ khẩu, nhân khẩu của hộ ông Đỗ Văn P thể hiện: Thời gian chuyển đến nơi Đăng ký hộ khẩu là Tổ 46 cụm 7 P T, quận T H, thành phố H N của Ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị M và chị Đỗ Thúy H là năm 1990, anh Đỗ Thế A là năm 1994.

Bản xác nhận nguồn gốc đất số 361/UBND-DCXD ngày 02/12/2010 của UBND phường P T xác nhận “Thời điểm xây dựng công trình trước ngày 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi phạm”.

Bản xác nhận nguồn gốc đất số 323/UBND-DCXD ngày 30/6/2011 của UBND phường P T cũng xác định “Thời điểm xây dựng công trình trước ngày 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi phạm”.

Bản xác nhận nguồn gốc đất số 77/XN-UBND ngày 30/8/2012 của UBND phường P T xác định “Thời điểm xây dựng công trình sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi phạm”.

Bản xác nhận nguồn gốc đất số 240/UBND-ĐCXD ngày 28/8/2013 của UBND phường P T xác định: “Thời điểm xây dựng công trình sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi

phạm. Theo nguồn gốc đất trên thì công trình được xây dựng tại thời điểm bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng”.

Bà Nguyễn Thị H cũng xác nhận về căn nhà bà Lê Thị H làm trên đất 5% thuộc tổ 46, cụm 7, phường P T, quận T H: Năm 1986, bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn P đã làm nhà và mở quán bán nước để sinh sống trên mảnh đất đó. Năm 1989, ông P lấy vợ và sinh con đầu lòng. Năm 2008, bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông P để tiện việc nộp thuế cho Nhà nước. Gia đình ông P đã sinh sống và xây dựng nhà trên đất 5% đó từ năm 1986 đến khi giải phóng mặt bằng. Việc UBND phường xác nhận nhà làm sau năm 1993 là không đúng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên bản đồ địa chính và các tài liệu chính quyền địa phương lưu giữ quản lý không thể hiện trên phần đất của ông Phú, bà M sử dụng có công trình xây dựng, khi kiểm đếm có nhà cấp 4 nên UBND phường P T đã thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú trong khu dân cư nơi có đất thu hồi để xác định là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H N. Các ý kiến của những người được lấy ý kiến đều khẳng định hộ ông P đã xây dựng nhà từ trước năm 1993; bản xác nhận nhân khẩu của Công an phường P T thể hiện ông Phú, bà M đều có hộ khẩu tại tổ 46, cụm 7, phường P T, quận T H từ năm 1990.

Do vậy, có căn cứ để xác định hộ ông Phú, bà M sử dụng đất ổn định và thời điểm đất bắt đầu sử dụng ổn định đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất là trước ngày 15/10/1993 theo quy định tại điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 10 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2009 của UBND thành phố H N ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H N.

Tuy nhiên, trong các bản xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường P T số 361/UBND-DCXD ngày 02/12/2010 và số 323/UBND-DCXD ngày 30/6/2011 xác định “Thời điểm xây dựng công trình trước ngày 01/7/2004”; Bản xác nhận nguồn gốc đất số 77/XN-UBND ngày 30/8/2012 và bản xác nhận số 240/UBND-ĐCXD ngày 28/8/2013 xác định “Thời điểm xây dựng công trình sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004”.

Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T; Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đều căn cứ vào việc xác nhận nguồn gốc để xác định chi tiết các khoản bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông P, bà M.

Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2018 của UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M; Quyết định 581/QĐ-UBND ngày

09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đều căn cứ vào việc xác nhận nguồn gốc để giải quyết khiếu nại của hộ gia đình ông Phú, bà Minh.

Việc UBND phường P T và UBND quận T H đã không sử dụng kết quả họp lấy ý kiến dân cư để xác định thời điểm xây dựng công trình nhà ở của hộ ông P là không phù hợp quy định tại điểm b.1 Khoản 2 Điều 53 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H N.

UBND phường P T và UBND quận T H cho rằng theo bản đồ năm 1986 thửa đất là đất nông nghiệp; Bản đồ năm 1994 tại vị trí đất nhà ông P không có nhà, chỉ có nhà tại vị trí đất nhà ông T (ông P và ông T cùng chung thửa) nên xác định công trình nhà ông P XD sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/1994 là không chính xác, vì: Bản đồ năm 1994 có trong hồ sơ vụ án là bản đồ đo đạc tháng 12/1994: tờ 36, số thửa 1 với DT là 490m<sup>2</sup>, thể hiện có 01 vị trí nhà do người đo là Ngô Xuân Q và đóng dấu công ty đo vẽ, không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền(UBND xã, phường, huyện).

Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định về mặt nội dung các Quyết định hành chính này có sai sót. Việc bà M yêu cầu xác định nhà bà đã xây dựng từ trước ngày 15/10/1993 là có căn cứ chấp nhận để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của hộ bà Minh.

## ***2. Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:***

### **Về thẩm quyền ban hành:**

- UBND quận T H ban hành Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất và Điều 56 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2009 của UBND thành phố H N ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H N.

- Chủ tịch UBND phường P T ban hành Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M và Chủ tịch UBND quận T H ban hành Quyết định số 581/QĐ-CT ngày 09/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định tại Điều 17, Điều 21 Luật khiếu nại.

### ***Nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:***

\* Đối với Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị M.

Quyết định này căn cứ vào Biên bản điều tra xác minh các số liệu về đất thu hồi, tài sản trên đất và tình hình nhân khẩu nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cầu N T và tuyến đường

hai bên đầu cầu trên địa bàn phường P T, quận T H được lập ngày 21/10/2010; phiếu xác nhận về loại đất, nguồn gốc và tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi của UBND phường P T số 240/UBND-ĐCXN ngày 28/8/2013.

Như đã phân tích ở trên về thời điểm xây dựng nhà trên đất bị thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị M tại Tổ 49, cụm 8, phường P T, quận T H, thành phố H N, Hội đồng xét xử thấy rằng Bản xác nhận nguồn gốc đất số 240/UBND-ĐCXN ngày 28/8/2013 của UBND phường P T xác định: “Thời điểm xây dựng công trình sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004, UBND phường không có hồ sơ xử lý vi phạm” là chưa chính xác mà qua các tài liệu chứng minh thực tế công trình xây dựng trên đất trước thời điểm 15/10/1993. Do vậy, việc căn cứ vào Bản xác nhận nguồn gốc đất số 240/UBND-ĐCXN ngày 28/8/2013 của UBND phường P T để đưa ra phương án bồi thường là chưa chính xác.

Việc bà M yêu cầu xác định căn nhà bà đã xây dựng từ trước ngày 15/10/1993 là có căn cứ chấp nhận nên cần hủy một phần Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng cầu N T và tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn phường P T, hủy phương án bồi thường chi tiết đối với hộ ông P để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bà Minh.

\* Đối với Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M và Quyết định số 581/QĐ-CT ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M:

Hội đồng xét xử thấy rằng bà M khiếu nại không đồng ý với xác nhận số 74/XN-UBND ngày 30/8/2012 về thời điểm xây dựng căn nhà và cho rằng thời điểm xây dựng căn nhà là trước năm 1992.

Chủ tịch UBND phường P T ban hành Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/2/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Minh, theo đó giữ nguyên nội dung xác nhận số 74 và xác định việc XD nhà ở là sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

Bà M không đồng ý Quyết định số 59 nên tiếp tục khiếu nại đến UBND quận T H. Chủ tịch UBND quận T H đã ban hành QĐ số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Minh, theo đó không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà M và yêu cầu Chủ tịch UBND phường P T đình chính lại Quyết định số 59. Ngày 20/8/2018 Chủ tịch UBND phường P T có Quyết định số 193/QĐ-CT về việc đình chính Quyết định số 59, theo đó “Giữ nguyên nội dung xác nhận thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình ông P là sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004”.

Như phân tích trên cho thấy có căn cứ xác định: việc gia đình ông P có nhà ở trên đất từ trước 15/10/1993, hộ ông P chuyển khẩu đến tổ 46, cụm 7 từ năm 1992. Việc Chủ tịch UBND phường P T ban hành Quyết định số 59/QĐ-CT

ngày 05/2/2018 và Chủ tịch UBND quận T H ban hành Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà M theo đó xác nhận thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình ông P là sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ bà M. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà M về việc hủy Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/2/2018 của Chủ tịch UBND phường P T và hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H.

**Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND quận T H, Chủ tịch UBND quận T H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

**Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32, b Khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 42, Điều 43 Luật đất đai 2003;

Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Điều 18, 21, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND quận T H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về yêu cầu xác định lại thời gian xây dựng công trình trên đất và Hủy một phần Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND quận T H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu N T, phần phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn P kèm theo Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 ; Hủy Quyết định số 59/QĐ-CT ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND phường P T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị M và Quyết định số 581/QĐ-CT ngày

09/5/2018 của Chủ tịch UBND quận T H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị M

Kiến nghị UBND phường P T và UBND quận T H xác định lại thời gian xây dựng công trình nhà cấp 4 trên đất đối với hộ bà Nguyễn Thị M là trước ngày 15/10/1993. Trên cơ sở đó ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: UBND quận T H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), Chủ tịch UBND quận T H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0013560 ngày 18/9/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố H N.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS ND TP H N;
- Các đương sự;
- Cục THADS TP H N;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lê Na**